

Bản án số: 226/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 05/11/2019

V/v tranh chấp “Xin ly hôn và nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Võ Văn Cường**

2. Ông **Nguyễn Phước Tường**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 524/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp “Xin Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Lệ H**, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Ấp 04, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Ấp 02, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị H có mặt tại phiên tòa; Anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ H trình bày:**

Chị và anh Phạm Văn T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, anh chị chung sống hạnh phúc năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 05/2019 đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Nay chị yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên Phạm Thành A, sinh ngày 19/02/2013. Hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chưa có.

* Bị đơn anh Phạm Văn T không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc chị H khởi kiện.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên. Anh T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung của chị và anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung giữa chị và anh T nên xác định đây là tranh chấp Xin ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về việc vắng mặt của đương sự:* Anh T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa xét xử vụ án chị H xin ly hôn với anh nhưng anh vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 59/2013, quyển số 01/2013 ngày 10/6/2013, nên xác định hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Theo lời chị H khai, anh - chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 05/2019 đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Nay chị cương quyết xin ly hôn với anh T. Đối với anh T, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh để dự phiên tòa xét xử việc chị H xin ly hôn anh, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do. Đồng thời, anh không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện. Chứng tỏ, anh không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa anh và chị H. Xem như anh từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi cho mình. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn

của chị H là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H và cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung tên Phạm Thành A, sinh ngày 19/02/2013. Hiện đang sống với chị H từ khi anh chị cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay đã ổn định, nên không cần xáo trộn tình cảm của con chung mà tiếp tục giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

[3]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Lệ H.

Cho chị Nguyễn Thị Lệ H được ly hôn với anh Phạm Văn T.

[2]. Về con chung:

- Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Lệ H.

Giao con chung tên Phạm Thành A, sinh ngày 19/02/2013 cho chị H nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

[3]. Về tài sản chung: Không có.

[4]. Về nợ chung: Không có.

[5]. Về án phí:

- Chị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002146 ngày 29/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên xem như chị H đã thi hành xong phần án phí.

[6]. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với người vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Tân Hưng, H. Cái Bè, TG;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHẠM VĂN NHỊN